



## May 2010 Bonus Lesson

### Mother's Day

---

#### Vocabulary List

Chinese	Romanization	English
妈妈	māmā	mother, mom
奶奶	nǎinǎi	grandmother
母爱	mu ài	motherhood
花儿	huā ér	flowers
康乃馨	kāng nǎi xīn	carnations
郁金香	yù jīn xiāng	tulips
礼物	lǐ wù	presents
孩子	hái zi	children
在床上吃早饭	zài chuáng shàng chī zǎo fàn	breakfast in bed
贺卡	hè kǎ	greeting cards